

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **11/2017/HNGĐST**  
Ngày **27** tháng **7** năm 2017  
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG**  
**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Văn Nhân**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

**1. Ông Đồ Văn Nôi.**

**2. Bà Châu Thị Chúc**

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông **Đình Quốc Thanh**, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:* Bà **Kim Thị Cẩm Hương** – Kiểm sát viên.

Ngày **27/7/2017**, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số **70/2017/TLST-HNGĐ**, ngày 27 tháng 4 năm 2017 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **51/2017/QĐST-HNGĐ** ngày 19/6/2017. và **Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2017/QĐST-HNGĐ**, ngày **14/7/2017**, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà **Châu Thị Mỹ T**, sinh năm 1981

Địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện C, tỉnh S (Có mặt)

*Bị đơn:* Ông **Trần Thanh Th**, sinh năm 1980

Địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Sóc T (**Vắng mặt**)

**NỘI DUNG VỤ ÁN :**

**Trong đơn khởi kiện ngày 14/4/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Châu Thị Mỹ T trình bày:** bà và ông Th sống chung và đăng ký kết hôn ngày 15/11/2009 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh S. Trong thời gian sống chung ông bà có hai đứa con chung tên Trần Thị Thanh T, sinh ngày 02/7/2008 và Trần Thị Thanh Th, sinh ngày 30/01/2010. Đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, ông Th đuổi ba mẹ con bà ra khỏi nhà, thường xuyên chửi bới và đánh đập bà, nay bà T cảm thấy hôn nhân không thể hàn gắn được nữa, nên bà làm đơn xin được ly hôn với ông Th.

Về con chung có hai đứa nêu trên, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và yêu cầu ông Th cấp dưỡng hàng tháng 4.000.000 đồng cho cả hai đứa con chung.

Về tài sản chung và nợ chung không có không yêu cầu tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*Về thủ tục tố tụng:* Đối với ông Th là bị đơn trong vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b Khoản 2, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, Tại phiên tòa nguyên đơn bà Châu Thị Mỹ T thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể là yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con chung hai đứa theo quy định của pháp luật. Xét thấy việc yêu cầu này của nguyên đơn là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 243 và khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

### *Về nội dung vụ án:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông Th xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Theo bà T cho rằng ông Th đuổi ba mẹ con bà ra khỏi nhà, thường xuyên chửi bới và đánh đập bà, nay bà T cảm thấy hôn nhân không thể hàn gắn được nữa, nên bà làm đơn xin được ly hôn với ông Th. Tòa án cũng đã tạo điều kiện để vợ chồng có cơ hội hàn gắn cuộc hôn nhân bằng việc tổ chức hòa giải nhằm đề động viên vợ chồng hàn gắn, nhưng bà T vẫn kiên quyết xin ly hôn, vì cho rằng không thể nào sống chung với ông Th được nữa. Nay bà T làm đơn xin ly hôn với ông Th, còn ông Th thì đều vắng mặt.

Hội đồng xét xử xét thấy thực trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng bà T, ông Th khó có thể hàn gắn vì đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T cho bà được ly hôn với ông Th.

*Về con chung:* Trong thời gian chung sống bà T và ông T có hai con chung chưa thành niên là cháu Trần Thị Thanh T, sinh ngày 02/7/2008 và Trần Thị Thanh Th, sinh ngày 30/01/2010, hiện đang sống chung với bà T. Tại phiên tòa hôm nay, bà T vẫn yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung, và tại phiên tòa, bà T yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi hai con chung theo quy định của pháp luật cho đến trưởng thành. Xét thấy, trong thời gian bà T và ông Th xảy ra mâu thuẫn, cháu T và cháu Th còn rất nhỏ là con chung của ông bà, đã và đang sống chung với bà T ổn định, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt cho con chưa thành niên. Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/5/2017, hai cháu T và cháu Th đều có nguyện vọng sống chung với

mẹ, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của bà T là giao cháu T và cháu Th cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành. Ông Th không trực tiếp nuôi con vẫn có quyền thăm nom con, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con, theo quy định tại các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Tại Tòa, bà T yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi cháu T và cháu Th theo quy định của pháp luật cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Xét thấy yêu cầu của bà T là có căn cứ để chấp nhận, nên Hội đồng xét xử cần buộc ông Th cấp dưỡng nuôi con chung là cháu T và cháu Th mỗi cháu là 650.000 đồng /tháng cho đến khi cháu T và cháu Th đủ 18 tuổi là có căn cứ.

Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8 năm 2017; Địa điểm cấp dưỡng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh S.

Về tài sản chung, nợ chung bà T và ông Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí sơ thẩm : Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm không có giá ngạch, theo quy định tại Khoản 4, Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016.

Về án phí cấp dưỡng: Bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Về quyền kháng cáo của đương sự được thực hiện theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa có ý kiến phát biểu nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH :**

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; khoản 4, Điều 147; Khoản 1 Điều 243, khoản 1 Điều 244; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 58, khoản 2 Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016.

### **Tuyên xử:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà Châu Thị Mỹ T ly hôn với ông Trần Thanh Th.

Về con chung: Giao cháu Trần Thị Thanh T, sinh ngày 02/7/2008 và Trần Thị Thanh Th, sinh ngày 30/01/2010 cho bà Châu Thị Mỹ T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Buộc ông Trần Thanh Th cấp dưỡng cho hai cháu Trần Thị Thanh T, sinh ngày 02/7/2008 và Trần Thị Thanh Th, sinh ngày 30/01/2010 mỗi cháu 650.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T và cháu Th đủ 18 tuổi.

Thời gian cấp dưỡng tính kể từ tháng 8 năm 2017; địa điểm cấp dưỡng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh S.

Dành quyền thăm nom chăm sóc con chung cho ông Th không ai được quyền ngăn cản.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí sơ thẩm: Bà Châu Thị Mỹ T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006822, ngày 14/4/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh S. Ông Trần Thanh Th phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án, **đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết.**

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh S;
- Viện KSND huyện C;
- Chi cục THA dân sự huyện C;
- UBND cấp xã nơi ĐK kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Nhân**